

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành 25 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Thanh C, sinh năm 1960

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

**Bị đơn:** Ông Bùi Quang Đ, sinh năm 1969

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

**Đại diện theo ủy quyền của ông Đ:** ông Hà Văn V, sinh năm 1957

TT: Số nhà C, khu T, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Bùi Quang T, sinh năm 1949

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2/ Ông Bùi Quang T1, sinh năm 1953

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3/ Ông Bùi Quang V1, sinh năm 1954

TT: Số A, ngõ D, phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

4/ Ông Bùi Quang Đ1, sinh năm 1954

TT: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

5/ Ông Bùi Quang K, sinh ngày 15/3/1964

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

6/ Ông Bùi Quang Đ2 (tức T2), sinh ngày 13/02/1964

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**Đại diện theo ủy quyền của ông T, ông T1, ông V1, ông Đ1, ông K, ông Đ2 (T2):** Bà Bùi Thị Thanh C, sinh năm 1960

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

7/ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

8/ Chị Bùi Thanh H1, sinh năm 1994

TT: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

9/ Chị Bùi Thị Thu H2, sinh năm 1997

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

10/ UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: T3, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị Q - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Phú Thọ.

11/ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T

Địa chỉ: Trại trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Vi Mạnh H3 - Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận:

[1]. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S677129 do UBND huyện T cấp ngày 29/12/2000 đứng tên hộ ông Bùi Quang Đ đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ 15 nay là 232, tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 42 tờ bản đồ 15, nay là thửa 308, tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị C1 gồm:

1/ Bà Bùi Thị Thanh C, sinh năm 1960

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

2/ Ông Bùi Quang Đ, sinh năm 1969

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

3/ Ông Bùi Quang T, sinh năm 1949

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

4/ Ông Bùi Quang T1, sinh năm 1953

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

5/ Ông Bùi Quang V1, sinh năm 1954

TT: Số A, ngõ D, phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội

6/ Ông Bùi Quang Đ1, sinh năm 1954

TT: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

7/ Ông Bùi Quang K, sinh ngày 15/3/1964

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

8/ Ông Bùi Quang Đ2 (tức T2), sinh ngày 13/02/1964

TT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Đối với di sản thừa kế của cụ Bùi Quang H4 để lại là  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 41, tờ bản đồ 15 nay là 232, tờ bản đồ số 15 diện tích  $692,2m^2$  (trong đó có  $200m^2$  đất ở và  $492,2m^2$  đất trồng cây lâu năm khác) địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T đã hết thời hiệu khởi kiện thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Quang Đ.

[4]. Xác định phần di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị C1 để lại là  $\frac{1}{2}$  thửa đất thổ cư số 41, tờ bản đồ 15 nay là 232, tờ bản đồ số 15 diện tích 692,2m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 492,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác) và  $\frac{1}{5}$  diện tích thửa đất nông nghiệp số 42 tờ bản đồ 15, nay là thửa 308, tờ bản đồ số 15 diện tích 184,8m<sup>2</sup> địa chỉ các thửa đất ở tại: khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ chia như sau:

[4.1]. Chia cho bà Bùi Thị Thanh C, ông Bùi Quang T1, ông Bùi Quang T, ông Bùi Quang V1, ông Bùi Quang Đ1, ông Bùi Quang Đ2 (tức T2), ông Bùi Quang K một phần diện tích 500m<sup>2</sup> của thửa đất số 41, tờ bản đồ 15 nay là 232, tờ bản đồ số 15 trong đó có 155m<sup>2</sup> đất ở và 345m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác, địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích S2 theo chỉ giới 7,8,9,10,11,12,25,24,7. Bà C, ông T1, ông T, ông V1, ông Đ1, ông Đ2 (tức T2), ông K được quyền đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên (có sơ đồ kèm theo).

[4.2]. Chia cho ông Bùi Quang Đ và bà Đinh Thị H được quyền sử dụng một phần diện tích 884,4m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị C1 và toàn bộ phần di sản của cụ Bùi Quang H4 của thửa đất số 41, tờ bản đồ 15 nay là 232, tờ bản đồ số 15 trong đó có 245m<sup>2</sup> đất ở và 639,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác, địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích S1 theo chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,24,23,21,22,1 và toàn bộ tài sản trên đất (có sơ đồ kèm theo).

[4.3]. Chia cho bà Bùi Thị Thanh C, ông Bùi Quang T1, ông Bùi Quang T, ông Bùi Quang V1, ông Bùi Quang Đ1, ông Bùi Quang Đ2 (tức T2), ông Bùi Quang K một phần diện tích 200m<sup>2</sup> của thửa đất nông nghiệp số 42 tờ bản đồ 15, nay là thửa 308, tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích S4 theo chỉ giới 12,13,14,15,16,25,12. Bà C, ông T1, ông T, ông V1, ông Đ1, ông Đ2 (tức T2), ông K được quyền đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên (có sơ đồ kèm theo).

[4.4]. Chia cho ông Bùi Quang Đ và bà Đinh Thị H một phần diện tích 724,2m<sup>2</sup> của thửa đất nông nghiệp số 42 tờ bản đồ 15, nay là thửa 308, tờ bản đồ số 15 địa chỉ thửa đất ở tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, diện tích S3 theo chỉ giới 16,17,18,19,20,21,23,24,25,16 và toàn bộ tài sản trên đất (có sơ đồ kèm theo).

[4.5]. Đối với các tài sản gồm công trình, cây cối của gia đình ông Bùi Quang Đ và bà Đinh Thị H có trên phần diện tích 500m<sup>2</sup> của thửa đất số 41, tờ bản đồ 15 nay là thửa 232, tờ bản đồ số 15 và có trên diện tích 200m<sup>2</sup> thửa đất nông nghiệp số 42 tờ bản đồ 15, nay là thửa 308, tờ bản đồ số 15. Ông Đ, bà H có trách nhiệm tháo dỡ, thu hoạch để trả lại đất cho các ông bà gồm: Bà C, ông T1, ông T, ông V1, ông Đ1, ông Đ2 (tức T2), ông K.

Các đương sự có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định, bản án của tòa án.

[5]. Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh C, ông Bùi Quang T1, ông Bùi Quang T, ông Bùi Quang V1, ông Bùi Quang Đ1, ông Bùi Quang K, ông Bùi Quang Đ2 (tức T2) thuộc trường hợp được miễn án phí.

Ông Bùi Quang Đ, bà Đinh Thị H phải chịu 36.530.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đieu Thị Bích Lợt**